

Số: 49/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 13/4/2010 của HĐND tỉnh về thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh đến năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khoáng sản năm 2010; Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/04/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bổ sung thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 363/TTr-UBND ngày 14/7/2017; Báo cáo thẩm tra số 300/BC-KTNS ngày 17/7/2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 13/4/2010 của HĐND tỉnh về thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Sơn La đến năm 2020; như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Mục II, Điều 1:

“3. Cát xây dựng

3.1. Định hướng quy hoạch thăm dò, khai thác:

- Phù hợp với chiến lược khoáng sản và quy hoạch khoáng sản của cả nước.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

- Bảo đảm khai thác, sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ nhu cầu hiện tại, đồng thời có tính đến sự phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu khoáng sản trong tương lai.

- Bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

3.2. Tổng số điểm khai thác cát trên địa bàn tỉnh: 47 điểm (có phụ lục chi tiết kèm theo)”

2. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2, Khoản 1, Điều 3:

“- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần phải điều chỉnh cục bộ quy hoạch, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định và báo cáo với kỳ họp HĐND tỉnh”.

3. Bãi bỏ Mục IV, bảng tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 13/4/2010 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, TT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (230) bản.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

PHỤ LỤC**TỔNG CÁC ĐIỂM KHAI THÁC CÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH***(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La)**Đơn vị tính: m³*

STT	Tên mô	Địa điểm	Quy hoạch thăm dò, khai thác Giai đoạn 2016-2020	Thẩm quyền cấp phép
IV	Cát, sỏi xây dựng			
1	Huyện Mường La			
1.1	Bản Nà Sàng	Xã Chiềng Hoa	30.000	UBND tỉnh
1.2	Lòng hồ thủy điện Nậm Chiến 2	Xã Chiềng San	50.000	UBND tỉnh
1.3	Lòng Sông Đà	Thị trấn Ít Ong và xã Chiềng San	120.000	UBND tỉnh
1.4	Bản Ít	Xã Nậm Păm	30.000	UBND tỉnh
2	Huyện Phù Yên			
2.1	Bản Chăn	Xã Tường Thượng	30.000	UBND tỉnh
3	Huyện Bắc Yên			UBND tỉnh
3.1	Bản Tà Íu	Xã Pắc Ngà	70.000	UBND tỉnh
3.2	Bản Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	80.000	UBND tỉnh
3.3	Bản Ngậm	Xã Song Pe	120.000	UBND tỉnh
4	Huyện Sông Mã			
4.1	Bản Công	Xã Chiềng Sơ	20.000	UBND tỉnh
4.2	Bản Phụ	xã Chiềng Khương	80.000	UBND tỉnh
4.3	Bản Nà Pàn	xã Nà Nghịu	20.000	UBND tỉnh
4.4	Bản Hin	Xã Nà Nghịu	30.000	UBND tỉnh
4.5	Khu 1 - Bản Trung Châu	Xã Chiềng Cang	60.000	UBND tỉnh
4.6	Khu 1 - Bản Trung Dũng	Xã Chiềng Cang	60.000	UBND tỉnh
4.7	Bản Bó Bon	Xã Chiềng Cang	50.000	UBND tỉnh
4.8	Bản Chiềng Xôm	Xã Chiềng Cang	60.000	UBND tỉnh
4.9	Khu 1 - Bản Mường Tợ	Xã Mường Lầm	20.000	UBND tỉnh
4.10	Mường Nura II	Xã Mường Lầm	20.000	UBND tỉnh
4.11	Khu 2 - Bản Mường Tợ	Xã Mường Lầm	20.000	UBND tỉnh
4.12	Bản Mâm, Bản Luán II	Xã Chiềng Sơ	20.000	UBND tỉnh
4.13	Bản Tân Tiên	Xã Chiềng Sơ	20.000	UBND tỉnh
4.14	Bản Hồng Phong	Xã Nà Nghịu	35.000	UBND tỉnh

STT	Tên mỏ	Địa điểm	Quy hoạch thăm dò, khai thác Giai đoạn 2016-2020	Thẩm quyền cấp phép
4.15	Bản Nà Hin	Xã Nà Nghịu	40.000	UBND tỉnh
4.16	Bản Nà Liu	Xã Nà Nghịu	30.000	UBND tỉnh
4.17	Bản Cánh Kiến	Xã Nà Nghịu	30.000	UBND tỉnh
4.18	Bản Púng	Xã Chiềng Khoong	70.000	UBND tỉnh
4.19	Khu 2 - Bản Trung Dững	Xã Chiềng Cang	65.000	UBND tỉnh
4.20	Khu 2 - Bản Trung Châu	Xã Chiềng Cang	75.000	UBND tỉnh
4.21	Bản Đầu Mường	Xã Chiềng Cang	60.000	UBND tỉnh
4.22	Bản Hong Ngay	Xã Chiềng Cang	70.000	UBND tỉnh
5	Huyện Quỳnh Nhai			
5.1	Bản Bon	Xã Mường Chiên	20.000	UBND tỉnh
5.2	Bản He	Xã Chiềng Khoang	30.000	UBND tỉnh
6	Huyện Mộc Châu			
6.1	Bản Nà Ngà 2	Xã Mường Sang	30.000	UBND tỉnh
6.2	Bản Bó Bun	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	100.000	UBND tỉnh
6.3	Trại 8, tiêu khu Vườn Đào	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	40.000	UBND tỉnh
6.4	Khu 1, tiêu khu Bó Bun	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	30.000	UBND tỉnh
6.5	Khu 2, tiêu khu Bó Bun	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	20.000	UBND tỉnh
6.6	Khu 3, tiêu khu Bó Bun	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	30.000	UBND tỉnh
6.7	Khu 4, tiêu khu Bó Bun	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	40.000	UBND tỉnh
6.8	Khu 1, tiêu khu Vườn Đào	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	30.000	UBND tỉnh
6.9	Khu 2, tiêu khu Vườn Đào	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	30.000	UBND tỉnh
7	Huyện Vân Hồ			
7.1	Bản Pàn	Xã Tô Múa	40.000	UBND tỉnh
7.2	Bản Thuông Cuông	Xã Vân Hồ	60.000	UBND tỉnh
8	Huyện Mai Sơn			
8.1	Bản Tà Chan	Xã Chiềng Chăn	20.000	UBND tỉnh
8.2	Bản Pôn	Xã Tà Hộc	30.000	UBND tỉnh
8.3	Khu 1, bản Tà Hộc	Xã Tà Hộc	10.000	UBND tỉnh
8.4	Khu 2, bản Tà Hộc	Xã Tà Hộc	10.000	UBND tỉnh